TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 87/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 11- 9- 2019
Về việc:“ tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông NGUYỄN TẤN TÀI

2. Bà HUỲNH THỊ CHI

- *Thư ký phiên tòa:* Bà ĐOÀN THỊ KIM YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên toà: (không tham gia).*

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:270/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2019, về việc “xin ly hôn’. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:771/2..54019/QĐXX-STHNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: *Bà Trần Thị Trúc T, sinh năm 1985* (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 227 Khóm 2, ấp Mỹ T, xã Tân H thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

2. Bị đơn: *Ông Hồ Văn N, sinh năm 1986* (vắng mặt)

Cư trú tại nhà số 224A ấp Tân B, xã Tân H thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/6/2019, nguyên đơn Trần Thị Trúc T yêu cầu giải quyết chấm dứt hôn nhân không đăng ký kết hôn, do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm nên sống với nhau không hòa hợp. Yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ tài sản không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên họp hòa giải ngày 09/8/2019, bà T và ông N xác nhận thời gian quen biết nhau một năm và chính thức chung sống với nhau từ năm 2011 cho đến nay, không đăng ký kết hôn. Bà T và ông N có 02 con chung là Trần Thị Huỳnh N sinh ngày 29/9/2014 và Trần Quốc T sinh ngày 30/3/2017. Về tài sàn và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T yêu cầu không công nhận bà với ông N là vợ chồng, khi chấm dứt hôn nhân bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Ông N thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 09/8/2019, không có xuất trình chứng cứ mới và có lời khai rằng: Bà và ông N không có đăng ký kết hôn, yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà và ông N. Yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ tài sản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông N vắng mặt theo đơn đề nghị ngày 09/8/2019, không có xuất trình chứng cứ mới và có lời khai rằng: Ông và bà T không có đăng ký kết hôn, đồng ý không công nhận vợ chồng giữa ông với bà T. Đồng ý giao cho bà T được tiếp tục nuôi 02 con chung và ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là ly hôn. Bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

[2]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đôi bên xuất trình nộp cho Tòa án và lời khai của bà T, ông N đồng xác nhận là vợ chồng chính thức chung sống với nhau từ năm 2011 và có với nhau 02 người con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, bà T và ông Nguy đã không tuân thủ điều kiện kết hôn được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015. Do đó, hôn nhân này không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận hôn nhân giữa bà T và ông N là vợ chồng.

[3]. Về con chung, ông N đồng ý với yêu cầu của bà T, giao 02 con chung cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng và ông N khỏi phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 15, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện này của bà T. Ngoài ra, bà T và ông N phải tuân thủ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình quy định: " Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó"; "Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con".

[4]. Về tài sản chung và nợ tài sản, bà T và ông N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí sơ thẩm, căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Vì vậy, bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N^0 0004668 ngày 05/7/2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông N không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, về nghĩa vụ cấp dưỡng và sơ thẩm hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 14, Điều 110, Điều 116, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình của Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận hôn nhân giữa bà Trần Thị Trúc T và ông Hồ Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung Trần Thị Huỳnh N sinh ngày 29/9/2014 và Trần Quốc T sinh ngày 30/3/2017.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Ông N được quyền tới thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ tài sản: Bà T và ông N không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 146 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bà T phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số N^0 0004668 ngày 05/7/2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L; Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông N không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, sơ thẩm hôn nhân.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thu Thủy

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND xã, phường
- Lưu hồ sơ tại Tòa án